

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của
Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao
chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030”**

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” (Quyết định số 328/QĐ-TTg);

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 278/TTr-SGDĐT ngày 25/3/2026 về đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 328/QĐ-TTg),

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện Quyết định số 328/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

b) Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, người lao động và toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và hội nhập quốc tế.

c) Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề phù hợp với phát kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số khu vực nông thôn; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

đ) Phát huy cao vai trò chủ động trong lãnh đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp chính quyền nhằm tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 328/QĐ-TTg.

2. Yêu cầu

a) Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm thiết thực, khả thi và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, huy động sự tham gia, cộng đồng trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; nông dân tiếp tục là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

c) Phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn; ngành, nghề đào tạo phải đáp ứng nhu cầu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao để nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động, đảm bảo về chất lượng, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, ngành nghề phù hợp và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động, rút ngắn khoảng cách về tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị.

Tập trung đào tạo nhân lực có chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; đào tạo để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, hội nhập khu vực và quốc tế. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; đào tạo thực chất, đi theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2030, tuyển sinh đào tạo **164.005** người lao động các cấp trình độ đào tạo giáo dục nghề nghiệp (47.104 trình độ trung cấp, cao đẳng và 116.901 trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, trong số 116.901 trình độ sơ

cấp và đào tạo dưới 03 tháng thực hiện hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho khoảng 40.000 lao động); góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **82,5%** vào năm 2030 (trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt **43,5%**) để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phân đầu hằng năm hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho khoảng **8.000** lao động nông thôn; trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp chiếm khoảng 70%, đào tạo nghề nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn chiếm khoảng 30%; số lao động nông thôn là nữ được đào tạo nghề chiếm trên 45%, người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ học nghề, tạo việc làm chiếm khoảng 4%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên **85%**.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội và người dân về vai trò của đào tạo nghề đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

b) Đa dạng hóa các hoạt động phổ biến, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập. Xây dựng các chuyên mục, chương trình về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên các kênh phát thanh, truyền hình. Gắn công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình với việc tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Hình thức tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

c) Nghiên cứu, triển khai thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030, gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, tiếp tục ưu tiên đào tạo nghề cho lao động thuộc diện đối tượng chính sách, người có công, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật.

đ) Thực hiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động, đặc biệt là lao động trong các khu công nghiệp, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ, người cao tuổi còn đủ sức khỏe có nhu cầu tham gia thị trường lao động. Huy động sự tham gia, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

e) Tổ chức tư vấn hướng nghiệp, học nghề, khởi nghiệp cho lao động nông thôn và biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

g) Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, người dân về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới phát triển kinh tế nông nghiệp, cơ cấu ngành nghề và trình độ sản xuất tại khu vực nông thôn. Tích cực quảng bá, nhân rộng những mô hình hay, điển hình tốt sau học nghề.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, các chính sách cho người học, tình hình quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý nghiêm các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp vi phạm quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Rà soát, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Rà soát, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đối với nhóm lao động chuyển đổi nghề nghiệp, người lao động có đất bị thu hồi, lao động bị mất việc làm, nguy cơ bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, biến đổi khí hậu và do tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Khuyến khích, thu hút sự tham gia của doanh nghiệp, nghệ nhân, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi tham gia truyền nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động.

3. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Đa dạng hóa ngành nghề; rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo theo yêu cầu công nghệ, quy trình sản xuất mới, ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất; cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là kiến thức về chuyển đổi số, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường thời lượng thực hành, nhất là từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

b) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo; nghiên cứu, đổi mới nội dung chương trình đào tạo

trình độ cao đẳng, trung cấp theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và người học.

c) Phát huy tính chủ động của người học, gắn kết đào tạo nghề với học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương đất nước phồn vinh, hạnh phúc, có trình độ học vấn, năng lực đổi mới sáng tạo và tổ chức sản xuất tiên tiến, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

d) Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, xã hội số khu vực nông thôn; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; gắn với mô hình nông dân sản xuất giỏi, kinh doanh giỏi, hướng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất lớn; thúc đẩy tích hợp đa giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế, tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh.

e) Triển khai có hiệu quả các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế tập thể khu vực nông thôn. Triển khai các chương trình, đề án đào tạo, đào tạo lại phục vụ chuyển đổi nghề cho người dân do biến đổi khí hậu và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu học nghề, việc làm cho lao động nông thôn

a) Xác định danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thị trường lao động; xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, khu vực, cấp trình độ và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (số lượng, trình độ, ngành nghề đào tạo) của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động.

b) Xác định năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn gồm: mạng lưới, nghề đào tạo, chương trình, học liệu, người dạy và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề, người làm công tác quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

5. Nâng cao chất lượng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Đẩy mạnh xây dựng, phát triển các chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo theo yêu cầu của thị trường lao động, ngành nghề mới đáp ứng với sự thay đổi và phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chú trọng phát triển các

chương trình đào tạo trong nhóm nghề về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, ngành nghề nông thôn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực lân cận.

b) Số hóa các chương trình đào tạo, cơ sở dữ liệu, cẩm nang về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xây dựng thư viện mở, tích hợp dữ liệu để chia sẻ và sử dụng dữ liệu. Thí điểm xây dựng các trạm đào tạo từ xa ở những vùng có điều kiện khó khăn để người lao động có thể chủ động tiếp cận, tham gia các khóa đào tạo phù hợp. Xây dựng các bài giảng điện tử, bài giảng mô phỏng... để cơ sở đào tạo nghề sử dụng chung trong đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

c) Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp cho các nghề để đào tạo cho lao động nông thôn; hằng năm, rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi của sản xuất, công nghệ. Chú trọng những nghề phổ biến, nghề mới và những nghề xã hội, doanh nghiệp có nhu cầu cao, nghề đặc thù phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và giám đốc hợp tác xã.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, kỹ năng giảng dạy kiến thức an toàn vệ sinh lao động, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp và các kỹ năng nghiệp vụ khác cho nhà giáo, người dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm đáp ứng với yêu cầu đào tạo.

e) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, đặc biệt là cán bộ quản lý đào tạo trong doanh nghiệp về công tác quản lý đào tạo, xây dựng kế hoạch, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình đào tạo của doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, phương tiện vận chuyển lưu động cho các cơ sở giáo dục công lập tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

h) Khuyến khích các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị để tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

6. Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn

a) Tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động; đào tạo nghề cho người lao động để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thời hạn; đào tạo chuyển đổi nghề; đào tạo phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển hợp tác xã, làng nghề; đào tạo cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, kỹ năng số cho người lao động để có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định.

b) Chú trọng hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người có đất bị thu hồi, ngư dân, lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các đối tượng lao động nông thôn khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn nhằm tạo cơ hội cho người lao động nâng cao trình độ kỹ năng phù hợp với điều kiện của người học, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai đào tạo nghề gắn với hoàn thiện kiến thức văn hóa trong các trường trung cấp, cao đẳng và tổ chức đào tạo trung học nghề cho thanh niên nông thôn.

7. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức đào tạo, tạo việc làm cho lao động nông thôn

a) Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động ở từng địa phương; thiết lập cơ chế gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm và doanh nghiệp.

b) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức đào tạo, tuyển sinh, tuyển dụng sau đào tạo, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề cho người lao động gắn với cơ chế trả lương, sử dụng lao động có kỹ năng trong doanh nghiệp.

8. Hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, mở ra cơ hội để lao động nông thôn hòa nhập tốt với thị trường lao động quốc tế.

b) Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa tỉnh Đồng Tháp với các địa phương thuộc các nước khu vực; trong đó, tích cực tham gia các diễn đàn, hiệp hội khu vực, quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động.

9. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình

a) Xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá và tăng cường việc kiểm tra, giám sát của các cấp trong việc thực hiện Chương trình.

b) Tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện các hoạt động của Chương trình; hằng năm, tổ chức hội nghị giao ban để kịp thời phát hiện, tháo gỡ

những khó khăn, vướng mắc; đồng thời, phổ biến những kinh nghiệm, mô hình, cách làm hay trong việc tổ chức đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định pháp luật, trong đó:

- Hằng năm, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí để thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định pháp luật.

- Lồng ghép kinh phí thực hiện các nội dung về đào tạo nghề đã được phê duyệt trong các Chương hình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030 (nếu có), các Chương trình, Đề án khác có liên quan theo quy định pháp luật.

- Kinh phí từ nguồn huy động khác cho các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định pháp luật.

2. Cơ chế tài chính

Cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và các quy định pháp luật liên quan về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp triển khai kịp thời, có hiệu quả Kế hoạch này. Hằng năm, chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp xây dựng Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với lao động nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan báo, đài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và Kế hoạch này.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra định kỳ, thường xuyên các lớp đào tạo nghề được hỗ trợ; tổ chức đánh giá kết quả

thực hiện kế hoạch; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công tác hỗ trợ đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo cho lao động nông nghiệp nông thôn. Tham mưu xây dựng, ban hành kế hoạch/đề án đào tạo chuyển đổi nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

b) Xây dựng số hoá các tài liệu, chương trình, giáo trình, học liệu cho các nghề nông nghiệp phổ biến, thủ công mỹ nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người tham gia đào tạo nghề nông nghiệp, truyền nghề.

c) Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu đào tạo, nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện về nội dung đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông thôn. Kiểm tra tình hình thực hiện và định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương có liên quan thẩm định, kiểm tra hoạt động đào tạo nhóm nghề thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Định hướng các cơ quan báo, đài trong tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí quan trọng, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

5. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra việc thực hiện đào tạo và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo.

6. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân nội dung Quyết định số 328/QĐ-TTg. Đồng thời, hướng dẫn Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, thẩm quyền. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc thực hiện Kế hoạch.

7. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành; thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn vốn từ các chương trình phù hợp khác; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra thực hiện chương trình cho vay.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng Kế hoạch đề cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và định hướng phát triển của tỉnh. Xây dựng các mô hình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng gắn kết với nhu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các địa phương có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận chủ động xây dựng kế hoạch phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, đào tạo và khôi phục các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền...; chủ động phối hợp với các hợp tác xã, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để giới thiệu việc làm cho lao động học nghề; rà soát, ưu tiên hỗ trợ đào tạo các đối tượng sau cai nghiện, người lao động bị thu hồi đất, người chấp hành xong án phạt tù.

b) Tăng cường chỉ đạo thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các chính sách về giáo dục nghề nghiệp có liên quan trên địa bàn; trong đó, quan tâm giới thiệu các mô hình, cá nhân điển hình trong học nghề, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả.

c) Lựa chọn các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đảm bảo các điều kiện đào tạo, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động, tổ

chức các lớp hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

đ) Quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề được phân bổ theo đúng quy định.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các chính sách, pháp luật có liên quan trên địa bàn.

g) Định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Hằng năm, trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp; tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp.

b) Tổ chức tuyển sinh, đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật; trong công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng đào tạo; quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí các lớp hỗ trợ đào tạo theo đúng quy định pháp luật.

c) Rà soát, cập nhật lại các chương trình đào tạo theo ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiến bộ của khoa học công nghệ và công nghệ số; bổ sung thêm nội dung an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy để đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn lao động với các nghề hàn cắt kim loại và các kỹ năng mềm (kỹ năng số, kỹ năng giao tiếp, pháp luật lao động, làm việc nhóm,...) theo yêu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

đ) Đào tạo nghề nghiệp gắn với thị trường lao động; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo, qua đó khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị và công nghệ của doanh nghiệp, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học đáp ứng tiến bộ công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/11), các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp báo cáo kết

quả thực hiện Kế hoạch về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Đề nghị thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện bảo đảm mục tiêu, yêu cầu, nội dung kế hoạch đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời thông tin về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Sở, ngành tỉnh;
- UBND xã phường;
- VPUBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn